

Biểu số 59/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /01/2023 của UBND tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	I	2	3	4=3/I	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.600.000	12.204.147	12.710.372	193%	104%
I	Thu cân đối NSNN	6.600.000	7.858.187	7.751.220	117%	99%
1	Thu nội địa	6.000.000	7.305.476	7.023.764	117%	96%
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	600.000	521.760	699.120	117%	134%
4	Thu viện trợ					
5	Thu huy động đóng góp		30.951	28.336		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		4.345.960	4.959.152		
B	TỔNG CHI NSDP	14.611.556	18.913.385	15.059.429	103%	80%
I	Chi cân đối NSDP	14.611.556	18.913.385	15.059.429	103%	80%
1	Chi đầu tư phát triển	4.859.027	5.906.549	6.879.901	142%	116%
2	Chi thường xuyên	9.407.936	7.947.588	8.175.146	87%	103%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.600	958	1.092		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.510	1.510	3.290		
5	Dự phòng ngân sách	263.188				
6	Chi mục tiêu từ ngân sách Trung ương	78.295	78.747			
7	Chi chương trình mục tiêu quốc gia		18.881			
8	Chi chuyển nguồn		4.959.152			
C	BỘI THU NSDP	17.600	21.975	23.644	134%	108%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	24.500	21.975	23.644	97%	108%